

Số: 21/2017/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo,
phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 162/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

3. Mức thu phí

a) Đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung không kèm theo hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

| STT | Tổng vốn đầu tư của dự án (tỷ đồng) | Mức thu (triệu đồng) |
|-----|---|----------------------|
| 1 | Dự án có tổng vốn đầu tư ≤ 50 | 8,4 |
| 2 | Dự án có tổng vốn đầu tư từ > 50 và ≤ 100 | 10,5 |
| 3 | Dự án có tổng vốn đầu tư từ > 100 và ≤ 200 | 19,0 |
| 4 | Dự án có tổng vốn đầu tư từ > 200 và ≤ 500 | 20,0 |
| 5 | Dự án có tổng vốn đầu tư > 500 | 26,0 |

b) Đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung kèm theo hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

| STT | Tổng vốn đầu tư của dự án (tỷ đồng) | Mức thu (triệu đồng) |
|-----|---|----------------------|
| 1 | Dự án có tổng vốn đầu tư ≤ 50 | 6,0 |
| 2 | Dự án có tổng vốn đầu tư từ > 50 và ≤ 100 | 7,0 |
| 3 | Dự án có tổng vốn đầu tư từ > 100 và ≤ 200 | 12,7 |
| 4 | Dự án có tổng vốn đầu tư từ > 200 và ≤ 500 | 13,3 |
| 5 | Dự án có tổng vốn đầu tư > 500 | 17,3 |

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu phí

a) Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

b) Để lại 80% số tiền phí thu được cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo chế độ quy định.

c) Nộp 20% số tiền phí thu được vào Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh khóa XIV;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang; Báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT HĐND, (Tr).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn